

# Area Nakagawa

中川北、中川中、中川南、旭ヶ丘、アトレ中川駅前、プレイズ中川駅前、ラクゼ、中川新町二丁目、中川新町三丁目、中川新町四丁目、アトレ中川フロンテージ、天花寺、宮古、平生、さつき苑、黒田、黒田西、黒田団地、野田、野田団地、野田東、見永

Nakagawa kita, Nakagawa naka, Nakagawa minami, Asahigaoka, Atre nakagawaekimae, Pureizu nakagawaekimae, Raguze, Nakagawashinmachi 2chome, Nkagawashinmachi 3chome, Nakagawashinmachi 4chome, Atre nakagawa furonte-ji, Tengeiji, Miyako, Hiro, Satsukien, Kuroda, Kuroda nishi, Kuroda-danchi, Noda, Noda-danchi, Noda higashi, Minaga

【4/2026 - 3/2027】松阪市嬉野管内  
ごみ収集カレンダー  
WASTE COLLECTION SCHEDULE 【英語】  
ISKEDYUL NG PAGKOLEKTA NG BASURA 【フィリピン語】  
CALENDÁRIO DE COLETA DE LIXO 【ポルトガル語】  
LỊCH THU GOM RÁC THẢI 【ベトナム語】  
垃圾収集日【中国語】嬉野地域振興局地域住民課 TEL0598-48-3813

<b>可燃</b> 燃やすしかないごみ Burnable waste Basurang nasusunog Lixo incinerável Rác cháy được 可燃垃圾 松阪市指定ごみ袋	<b>不燃</b> 燃えないごみ Non-burnable waste Basurang hindi nasusunog Lixo não incinerável Rác không cháy được 不可燃垃圾	乾電池 Batteries Dry cell na baterya Pilhas Pin khô 干電池	<b>プラ容</b> プラスチック容器・袋 Plastic containers and bags Plastik na sisidlan / supot Recipientes e sacos plásticos Túi, đồ đựng làm từ nhựa Plastic 塑料容器・袋子	<b>ペット</b> ペットボトル PET bottles PET na bote Garrafas PET Chai nhựa PET 塑料瓶
<b>アルミ</b> 飲食用アルミ缶 Aluminum food and beverage cans Aluminum na lata para sa pagkain at inumin Latas de aluminio para alimentos e bebidas Lon nhôm thực phẩm 飲食用铝罐	<b>白トレ</b> 白色トレー White foam trays Puting tray Bandejas brancas Khay màu trắng 白色餐盘	ライター Lighters Lighter Isqueiros Bật lửa 打火机	スプレー缶 Spray cans, cassette gas canisters Spray can, canister cartridge Latas de spray e bombas de gás Bình xịt, bình ga mini 喷雾瓶、灌装液化瓦斯瓶	<b>拠点B</b> 空ビン Empty bottles Basyong bote Garrafas vazias Chai thủy tinh rỗng 空瓶 White Brown Other
<b>拠点A</b> 雑誌・雑紙 Magazines and mixed paper Mga magazine/iba pang papel Revistas e papéis diversos Tập chí, giấy lộn các loại 杂志・杂紙	新聞紙 Newspaper Papel ng dyaryo Jornais Giấy báo 报纸	ダンボール Cardboard boxes Karton Papela Bia các tông 瓦楞紙板	牛乳パック Milk cartons Karton ng gatas Embalagens de leite Vỏ hộp sữa 牛奶盒	古着類 Old clothes Mga lumang damit Tecidos usados Các loại quần áo cũ 旧衣服类
				<b>拠点C</b> 蛍光灯管 Fluorescent tubes Fluorescent na ilaw Tubos fluorescentes Đèn huỳnh quang 荧光灯管
				充電式小型家電 Rechargeable small home appliances Mga maliit na kagamitan sa bahay na maaaring i-charge Pequenos eletrodomésticos recarregáveis Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ loại sạc điện 充电式小型家电

分別して、決められた場所に収集日の当日、朝8時までに出してください。  
Separate waste and place at the designated location on the collection day by 8:00 am. Vui lòng phân loại và vứt rác tại nơi quy định trước 8 giờ sáng ngày thu gom.  
Mangyaring paghiwalayin ang mga ito at ilagay ito sa itinalagang lugar ng bandang alas-otso(8) ng umaga sa mismong araw kung kailan ito kokolektahin.  
Faça a separação e descarte-os nos locais designados, nos dias de coleta, até as 8h da manhã. 请在收集日的当天早上8点前、将垃圾分类后丢弃到规定的场所。

2026	4月 APR	5月 MAY	6月 JUN	7月 JUL	8月 AUG	9月 SEP	10月 OCT	11月 NOV	12月 DEC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
	<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td>1 拠点A</td><td>2 可燃</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>5</td><td>6 可燃</td><td>7 プラ容</td><td>8 拠点B</td><td>9 可燃</td><td>10 不燃</td><td>11</td></tr> <tr><td>12</td><td>13 可燃</td><td>14 プラ容</td><td>15 ペット</td><td>16 可燃</td><td>17 白トレ</td><td>18</td></tr> <tr><td>19</td><td>20 可燃</td><td>21 プラ容</td><td>22 アルミ</td><td>23 可燃</td><td>24 不燃</td><td>25</td></tr> <tr><td>26</td><td>27 可燃</td><td>28 プラ容</td><td>29</td><td>30 可燃</td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT				1 拠点A	2 可燃	3	4	5	6 可燃	7 プラ容	8 拠点B	9 可燃	10 不燃	11	12	13 可燃	14 プラ容	15 ペット	16 可燃	17 白トレ	18	19	20 可燃	21 プラ容	22 アルミ	23 可燃	24 不燃	25	26	27 可燃	28 プラ容	29	30 可燃			<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>3</td><td>4 可燃</td><td>5</td><td>6</td><td>7 可燃</td><td>8 不燃</td><td>9</td></tr> <tr><td>10</td><td>11 可燃</td><td>12 プラ容</td><td>13 拠点A</td><td>14 可燃</td><td>15 白トレ</td><td>16</td></tr> <tr><td>17</td><td>18 可燃</td><td>19 プラ容</td><td>20 拠点B</td><td>21 可燃</td><td>22 不燃</td><td>23</td></tr> <tr><td>24/31</td><td>25 可燃</td><td>26 プラ容</td><td>27 ペット</td><td>28 可燃</td><td>29 アルミ</td><td>30</td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT						1	2	3	4 可燃	5	6	7 可燃	8 不燃	9	10	11 可燃	12 プラ容	13 拠点A	14 可燃	15 白トレ	16	17	18 可燃	19 プラ容	20 拠点B	21 可燃	22 不燃	23	24/31	25 可燃	26 プラ容	27 ペット	28 可燃	29 アルミ	30	<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td>1 可燃</td><td>2 プラ容</td><td>3 拠点A</td><td>4 可燃</td><td>5 不燃</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>8 可燃</td><td>9 プラ容</td><td>10 拠点B</td><td>11 可燃</td><td>12 白トレ</td><td>13</td></tr> <tr><td>14</td><td>15 可燃</td><td>16 プラ容</td><td>17 ペット</td><td>18 可燃</td><td>19 不燃</td><td>20</td></tr> <tr><td>21</td><td>22 可燃</td><td>23 プラ容</td><td>24 アルミ</td><td>25 可燃</td><td>26</td><td>27</td></tr> <tr><td>28</td><td>29 可燃</td><td>30 プラ容</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT		1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5 不燃	6	7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 白トレ	13	14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 不燃	20	21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26	27	28	29 可燃	30 プラ容					<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td>1 拠点A</td><td>2 可燃</td><td>3 不燃</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>6</td><td>7 可燃</td><td>8 プラ容</td><td>9 拠点B</td><td>10 可燃</td><td>11 白トレ</td><td>12</td></tr> <tr><td>13</td><td>14 可燃</td><td>15 プラ容</td><td>16 ペット</td><td>17 可燃</td><td>18 不燃</td><td>19</td></tr> <tr><td>20</td><td>21 可燃</td><td>22 プラ容</td><td>23 アルミ</td><td>24 可燃</td><td>25</td><td>26</td></tr> <tr><td>27</td><td>28 可燃</td><td>29 プラ容</td><td>30 アルミ</td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT			1 拠点A	2 可燃	3 不燃	4	5	6	7 可燃	8 プラ容	9 拠点B	10 可燃	11 白トレ	12	13	14 可燃	15 プラ容	16 ペット	17 可燃	18 不燃	19	20	21 可燃	22 プラ容	23 アルミ	24 可燃	25	26	27	28 可燃	29 プラ容	30 アルミ				<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td>1 可燃</td><td>2 不燃</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>5</td><td>6 可燃</td><td>7 プラ容</td><td>8 拠点A</td><td>9 可燃</td><td>10 不燃</td><td>11</td></tr> <tr><td>12</td><td>13 可燃</td><td>14 プラ容</td><td>15 ペット</td><td>16 可燃</td><td>17 白トレ</td><td>18</td></tr> <tr><td>19</td><td>20 可燃</td><td>21 プラ容</td><td>22 アルミ</td><td>23 可燃</td><td>24 不燃</td><td>25</td></tr> <tr><td>26</td><td>27 可燃</td><td>28 プラ容</td><td>29</td><td>30 可燃</td><td>31</td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT				1 可燃	2 不燃	3	4	5	6 可燃	7 プラ容	8 拠点A	9 可燃	10 不燃	11	12	13 可燃	14 プラ容	15 ペット	16 可燃	17 白トレ	18	19	20 可燃	21 プラ容	22 アルミ	23 可燃	24 不燃	25	26	27 可燃	28 プラ容	29	30 可燃	31		<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>1</td></tr> <tr><td>2</td><td>3 可燃</td><td>4 プラ容</td><td>5 拠点A</td><td>6 可燃</td><td>7 不燃</td><td>8</td></tr> <tr><td>9</td><td>10 可燃</td><td>11</td><td>12 拠点B</td><td>13 可燃</td><td>14 白トレ</td><td>15</td></tr> <tr><td>16</td><td>17 可燃</td><td>18 プラ容</td><td>19 ペット</td><td>20 可燃</td><td>21 不燃</td><td>22</td></tr> <tr><td>23</td><td>24 可燃</td><td>25 プラ容</td><td>26 アルミ</td><td>27 可燃</td><td>28</td><td>29</td></tr> <tr><td>30</td><td>31 可燃</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT							1	2	3 可燃	4 プラ容	5 拠点A	6 可燃	7 不燃	8	9	10 可燃	11	12 拠点B	13 可燃	14 白トレ	15	16	17 可燃	18 プラ容	19 ペット	20 可燃	21 不燃	22	23	24 可燃	25 プラ容	26 アルミ	27 可燃	28	29	30	31 可燃						<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>1 可燃</td><td>2</td><td>3</td></tr> <tr><td>4</td><td>5 可燃</td><td>6 プラ容</td><td>7 拠点A</td><td>8 可燃</td><td>9 不燃</td><td>10</td></tr> <tr><td>11</td><td>12 可燃</td><td>13 プラ容</td><td>14 拠点B</td><td>15 可燃</td><td>16 白トレ</td><td>17</td></tr> <tr><td>18</td><td>19 可燃</td><td>20 プラ容</td><td>21 ペット</td><td>22 可燃</td><td>23 不燃</td><td>24</td></tr> <tr><td>25</td><td>26 可燃</td><td>27 プラ容</td><td>28 アルミ</td><td>29 可燃</td><td>30</td><td>31</td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT					1 可燃	2	3	4	5 可燃	6 プラ容	7 拠点A	8 可燃	9 不燃	10	11	12 可燃	13 プラ容	14 拠点B	15 可燃	16 白トレ	17	18	19 可燃	20 プラ容	21 ペット	22 可燃	23 不燃	24	25	26 可燃	27 プラ容	28 アルミ	29 可燃	30	31	<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td>1 可燃</td><td>2 拠点A</td><td>3 可燃</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>6</td><td>7 可燃</td><td>8 プラ容</td><td>9 拠点B</td><td>10 可燃</td><td>11 不燃</td><td>12</td></tr> <tr><td>13</td><td>14 可燃</td><td>15 プラ容</td><td>16 ペット</td><td>17 可燃</td><td>18 白トレ</td><td>19</td></tr> <tr><td>20</td><td>21 可燃</td><td>22 プラ容</td><td>23 アルミ</td><td>24 可燃</td><td>25 不燃</td><td>26</td></tr> <tr><td>27</td><td>28 可燃</td><td>29</td><td>30 可燃</td><td>31</td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT			1 可燃	2 拠点A	3 可燃	4	5	6	7 可燃	8 プラ容	9 拠点B	10 可燃	11 不燃	12	13	14 可燃	15 プラ容	16 ペット	17 可燃	18 白トレ	19	20	21 可燃	22 プラ容	23 アルミ	24 可燃	25 不燃	26	27	28 可燃	29	30 可燃	31			<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr><td>3</td><td>4 可燃</td><td>5 プラ容</td><td>6 拠点A</td><td>7 可燃</td><td>8 不燃</td><td>9</td></tr> <tr><td>10</td><td>11 可燃</td><td>12 プラ容</td><td>13 拠点B</td><td>14 可燃</td><td>15 白トレ</td><td>16</td></tr> <tr><td>17</td><td>18 可燃</td><td>19 プラ容</td><td>20 ペット</td><td>21 可燃</td><td>22 不燃</td><td>23</td></tr> <tr><td>24/31</td><td>25 可燃</td><td>26 プラ容</td><td>27 アルミ</td><td>28 可燃</td><td>29</td><td>30</td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT						1	2	3	4 可燃	5 プラ容	6 拠点A	7 可燃	8 不燃	9	10	11 可燃	12 プラ容	13 拠点B	14 可燃	15 白トレ	16	17	18 可燃	19 プラ容	20 ペット	21 可燃	22 不燃	23	24/31	25 可燃	26 プラ容	27 アルミ	28 可燃	29	30	<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td>1 可燃</td><td>2 プラ容</td><td>3 拠点A</td><td>4 可燃</td><td>5</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>8 可燃</td><td>9 プラ容</td><td>10 拠点B</td><td>11 可燃</td><td>12 不燃</td><td>13</td></tr> <tr><td>14</td><td>15 可燃</td><td>16 プラ容</td><td>17 ペット</td><td>18 可燃</td><td>19 白トレ</td><td>20</td></tr> <tr><td>21</td><td>22 可燃</td><td>23 プラ容</td><td>24 アルミ</td><td>25 可燃</td><td>26 不燃</td><td>27</td></tr> <tr><td>28</td><td>29 可燃</td><td>30</td><td>31</td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT		1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5	6	7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 不燃	13	14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 白トレ	20	21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26 不燃	27	28	29 可燃	30	31				<table border="1"> <tr><th>日 SUN</th><th>月 MON</th><th>火 TUE</th><th>水 WED</th><th>木 THU</th><th>金 FRI</th><th>土 SAT</th></tr> <tr><td></td><td>1 可燃</td><td>2 プラ容</td><td>3 拠点A</td><td>4 可燃</td><td>5</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>8 可燃</td><td>9 プラ容</td><td>10 拠点B</td><td>11 可燃</td><td>12 不燃</td><td>13</td></tr> <tr><td>14</td><td>15 可燃</td><td>16 プラ容</td><td>17 ペット</td><td>18 可燃</td><td>19 白トレ</td><td>20</td></tr> <tr><td>21</td><td>22 可燃</td><td>23 プラ容</td><td>24 アルミ</td><td>25 可燃</td><td>26 不燃</td><td>27</td></tr> <tr><td>28</td><td>29 可燃</td><td>30 プラ容</td><td>31</td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT		1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5	6	7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 不燃	13	14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 白トレ	20	21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26 不燃	27	28	29 可燃	30 プラ容	31			
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
			1 拠点A	2 可燃	3	4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
5	6 可燃	7 プラ容	8 拠点B	9 可燃	10 不燃	11																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
12	13 可燃	14 プラ容	15 ペット	16 可燃	17 白トレ	18																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
19	20 可燃	21 プラ容	22 アルミ	23 可燃	24 不燃	25																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
26	27 可燃	28 プラ容	29	30 可燃																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
					1	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
3	4 可燃	5	6	7 可燃	8 不燃	9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
10	11 可燃	12 プラ容	13 拠点A	14 可燃	15 白トレ	16																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
17	18 可燃	19 プラ容	20 拠点B	21 可燃	22 不燃	23																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
24/31	25 可燃	26 プラ容	27 ペット	28 可燃	29 アルミ	30																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
	1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5 不燃	6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 白トレ	13																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 不燃	20																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26	27																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
28	29 可燃	30 プラ容																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
		1 拠点A	2 可燃	3 不燃	4	5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
6	7 可燃	8 プラ容	9 拠点B	10 可燃	11 白トレ	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
13	14 可燃	15 プラ容	16 ペット	17 可燃	18 不燃	19																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
20	21 可燃	22 プラ容	23 アルミ	24 可燃	25	26																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
27	28 可燃	29 プラ容	30 アルミ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
			1 可燃	2 不燃	3	4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
5	6 可燃	7 プラ容	8 拠点A	9 可燃	10 不燃	11																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
12	13 可燃	14 プラ容	15 ペット	16 可燃	17 白トレ	18																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
19	20 可燃	21 プラ容	22 アルミ	23 可燃	24 不燃	25																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
26	27 可燃	28 プラ容	29	30 可燃	31																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
						1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
2	3 可燃	4 プラ容	5 拠点A	6 可燃	7 不燃	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
9	10 可燃	11	12 拠点B	13 可燃	14 白トレ	15																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
16	17 可燃	18 プラ容	19 ペット	20 可燃	21 不燃	22																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
23	24 可燃	25 プラ容	26 アルミ	27 可燃	28	29																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
30	31 可燃																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
				1 可燃	2	3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
4	5 可燃	6 プラ容	7 拠点A	8 可燃	9 不燃	10																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
11	12 可燃	13 プラ容	14 拠点B	15 可燃	16 白トレ	17																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
18	19 可燃	20 プラ容	21 ペット	22 可燃	23 不燃	24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
25	26 可燃	27 プラ容	28 アルミ	29 可燃	30	31																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
		1 可燃	2 拠点A	3 可燃	4	5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
6	7 可燃	8 プラ容	9 拠点B	10 可燃	11 不燃	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
13	14 可燃	15 プラ容	16 ペット	17 可燃	18 白トレ	19																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
20	21 可燃	22 プラ容	23 アルミ	24 可燃	25 不燃	26																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
27	28 可燃	29	30 可燃	31																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
					1	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
3	4 可燃	5 プラ容	6 拠点A	7 可燃	8 不燃	9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
10	11 可燃	12 プラ容	13 拠点B	14 可燃	15 白トレ	16																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
17	18 可燃	19 プラ容	20 ペット	21 可燃	22 不燃	23																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
24/31	25 可燃	26 プラ容	27 アルミ	28 可燃	29	30																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
	1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5	6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 不燃	13																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 白トレ	20																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26 不燃	27																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
28	29 可燃	30	31																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
日 SUN	月 MON	火 TUE	水 WED	木 THU	金 FRI	土 SAT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
	1 可燃	2 プラ容	3 拠点A	4 可燃	5	6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
7	8 可燃	9 プラ容	10 拠点B	11 可燃	12 不燃	13																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
14	15 可燃	16 プラ容	17 ペット	18 可燃	19 白トレ	20																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
21	22 可燃	23 プラ容	24 アルミ	25 可燃	26 不燃	27																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
28	29 可燃	30 プラ容	31																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
	2027	1月 JAN	2月 FEB	3月 MAR																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												